**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU**

**LỚP NHÀ TRẺ A**

Thời gian thực hiện 4 tuần: Từ ngày 24 tháng 02 năm 2025 đến ngày 21 tháng 03 năm 2025

Tuần 1: Những con vật nuôi trong gia đình bé

Tuần 2: Những con vật nuôi trong gia đình bé

Tuần 3: Một số con vật sống trong rừng

Tuần 4: Một số con vật sống dưới nước

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | | | **Hoạt động** | **Sửa đổi bổ sung** |
| **I. Lĩnh vực phát triển thể chất** | | | | | |  |
| **1** | **Phát triển thể chất** | | | |  |  |
| 1 | Cân nặng bình thường của trẻ trai: 11,3 – 18,3 kg; trẻ gái: 10,8 – 18,1kg | - Trẻ đạt: trẻ trai: 11,3 – 18,3 kg; trẻ gái: 10,8 – 18,1kg | | | Trẻ đạt được cân nặng, chiều cao theo độ tuổi |  |
| 2 | Chiều cao bình thường của trẻ trai: 88,7 – 103,5 cm; trẻ gái: 87,4 – 102,7 cm. | - Trẻ đạt: trẻ trai: 88,7 – 103,5 cm; trẻ gái: 87,4 – 102,7cm. | | |  |
|  | **Phát triển vận động** |  | | |  |  |
|  | ***Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp*** | | | |  |  |
| 3 | Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân. | - Hô hấp: tập hít vào, thở ra.  - Tập các động tác tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.  - Động tác lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên.  - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân | | | **- Dạy trẻ thông qua các hoạt động:** Trẻ tập các bài tập phát triển chung nhằm phát triển hấp và các cơ tay, chân, bụng, bật  **- Hô hấp: Hít vào, thở ra.**  + Tay 1: Hai tay giơ cao, hạ xuống  + Tay 3: Hai tay dang ngang, hạ xuống  + Chân 1: Ngồi xuống, đứng lên  + Chân 2: Co duỗi từng chân  + Chân 3: Khuỵ gối  + Bụng 1: Cúi về phía trước người sang hai bên  + Bụng 2: Nghiêng người sang 2 bên  + Bụng 3: Vặn người sang 2 bên  **- Trò chơi vận động:**  + Ném bóng vào rổ, chuyền bóng, ai nhanh hơn.  - Hoạt động học: Bài tập phát triển chung |  |
|  | ***Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.*** | | | |  |  |
| 4 | **\* Phát triển vận động**  Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. | + Đi bước qua gậy kê cao 5 cm  + Đi có mang vật trên tay. | | | **Hoạt động học:**  **- Vận động cơ bản**  + Đi bước qua gậy kê cao 5 cm (Lần 1, lần 2)  + Đi có mang vật trên tay (Lần 1)  - Hoạt động chiều, hoạt động ngoài trời |  |
|  | | |  |
| **2** | **Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | | |  |  |
|  | ***- Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt*** | | | |  |  |
| 10 | Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.  - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.  - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. | | | **Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh:**  - Hướng dẫn trẻ tập rửa tay, rửa mặt trước và sau khi ăn, uống, cất dọn đồ chơi sau chơi dưới sự giúp đỡ của cô.  - Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm, không an toàn ở trong lớp, sân trường, ở nhà khi được người lớn chỉ bảo  - Trò chuyện với trẻ về lợi ích của việc ăn chín, uống sôi, vệ sinh cơ thể sạch sẽ, vứt rác đúng nơi quy định. |  |
|  | ***- Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe*** | | | |  |  |
| 13 | Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...). | - Tập tự phục vụ:  + Xúc cơm, uống nước.  + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.  + Chuẩn bị chỗ ngủ.  - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.  - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. | | | - Hướng dẫn trẻ tự xúc cơm ăn, lấy nước uống. Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. Trẻ ngủ đúng giờ, đúng nơi quy định  - Trẻ biết xin thưa cô khi có nhu cầu đi vệ sinh, khi đói, khi muốn ngủ.  - Trẻ biết tự rửa tay, lau mặt sau khi ăn và ngủ dậy theo hướng dẫn của cô. |  |
| 14 | Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. | - Thực hiện đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. | | | - Trẻ mặc quần áo phù hợp với thời tiết, biết đội mũ len giữ ấm khi lạnh |  |
| **II. Lĩnh vực phát triển nhận thức** | | | | | |  |
|  | ***- Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan*** | | | |  |  |
| 17 | Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. | - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.  - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.  - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.  - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.  - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) | | | - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu để trẻ hứng thú khám phá  - Trẻ được sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.  - Trẻ thích sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.  - Trẻ được nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) kích thích vị giác cho trẻ qua các hoạt động học |  |
|  | ***- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi*** | | | |  |  |
| 21 | ***\** Nhận biết tập nói**  Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.  Nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc. | - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.  - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. | | | **- Hoạt động học**  + Nhận biết tập nói: Con gà trống, con vịt  + Nhận biết tập nói: Con chó, con mèo + Nhận biết tập nói: Con voi, con hổ  + Nhận biết tập nói: Con cá, con tôm  - Hoạt động ngoài trời  - Hoạt động vui chơi |  |
| 22 | ***\** Nhận biết phân biệt**  Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh  - Nhận biết được hình tròn, hình vuông theo yêu cầu.  Xác định được số lượng, vị trí trong không gian. | - Chỉ, nói tên được hình tròn, hình vuông. | | | **- Hoạt động học**  *+* Nhận biết hình tròn - hình vuông  (lần 1, lần 2)  + Nhận biết to hơn - nhỏ hơn (Lần 2)  + Ôn nhận biết to hơn - nhỏ hơn  - Hoạt động ngoài trời  - Hoạt động chiều |  |
| 23 | Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. | - Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu | | |
| **III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | | |  |
|  | ***- Nghe, hiểu lời nói*** | | | |  |  |
| 24 | Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. | - Nghe và thực hiện được yêu cầu gồm 2-3 hành động. VD: cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. | | | - Trẻ nghe và thực hiện được yêu cầu gồm 2-3 hành động |  |
| 25 | Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “…làm gì?”, “….thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”,...) | - Nghe và trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, …”làm gì?”, “…thế nào?” (VD: Con gà gáy thế nào?,…) | | | - Trẻ lắng nghe và trả lời các câu hỏi của cô ở tất cả các hoạt động |  |
| 26 | Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. | - Lắng nghe và trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong chuyện. | | | - Trẻ lắng nghe và trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong chuyện theo khả năng của trẻ |  |
|  | ***- Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu*** | | | |  |  |
| 27 | Phát âm rõ tiếng. | - Phát âm các âm khác nhau. | | | **- Hoạt động học**  **- LQTV:** (EL 2, EL 3, EL 6, EL 13,  EL 15, EL 23).  - Hoạt động ngoài trời, hoạt động chiều |  |
| 28 | **\* Văn học**  Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. | - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.  - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. | | | **- Hoạt động học**  ***-* Thơ:**  + Cá vàng  + Gà gáy (lần 1, lần 2)  **- Truyện:**  + Quả trứng  - Hoạt động mọi lúc, mọi nơi |  |
|  | ***- Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp*** | | | |  |  |
| 30 | Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:  - Chào hỏi, trò chuyện.  - Bày tỏ nhu cầu của bản thân.  - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, … | - Thể hiện nh­u cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.  - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?,.... thế nào?, để làm gì?, tại sao?... | | | Trẻ thể hiện nh­u cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.  - Trẻ trả lời và đặt câu hỏi khi tham gia học và tham gia các hoạt động trong ngày. |  |
| **IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mĩ** | | | | | |  |
|  | ***- Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con ng­ười và sự vật gần gũi*** | | | |  |  |
| 34 | Biểu lộ sựthích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. | - Giao tiếp với mọi người xung quanh.  - Chơi thân thiện với bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. | | | **- Hoạt động vui chơi:**  **+ Góc thao tác vai:** Nấu ăn - Bế em - Cho em ăn  **+ Góc xếp hình, lắp ghép, xây dựng:** Tập xâu hột hạt; lắp ráp các nút ghép  **+ Góc sách truyện:** Xem tranh, ảnh về các con vật nuôi trong gia đình; trong rừng; dưới nước.  **+ Góc nghệ thuật:** Chơi với dụng cụ âm nhạc, Hát các bài hát trong chủ đề; Tập di màu một số con vật nuôi trong gia đình; Tập di màu một số con vật sống dưới nước.  **- Trò chơi có luật:**  **- TCVĐ:**  + Tìm bóng to  + Con bọ dừa  **- TCHT:**  + Ba chú gấu  + Con gì? kêu thế nào  **- TCDG:**  + Bịt mắt bắt dê  + Tập tầm vông  + Nu na nu nống  + Chi chi chành chành  - Hoạt động ngoài trời, hoạt động chiều |  |
| 35 | Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. | - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. | | |  |
| 36 | Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. |  |
| 37 | Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi. | - Quan tâm đến các con vật nuôi. | | |  |
|  | ***- Thực hiện hành vi xã hội đơn giản*** | | | |  |
| 39 | Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). | - Trẻ tập làm, thể hiện, nhập vai để tham gia chơi trong hoạt động chơi ở các khu vực chơi. | | |  |
|  | ***- Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh*** | | | |  |  |
| 42 | **\* Âm nhạc**  Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc. | - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.  - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. | | | **- Hoạt động học**  **- Dạy hát + Vận động**  + Con gà trống  + Rửa mặt như mèo  **- Nghe hát:**  + Chim chích bông  + Chim mẹ chim con  **- Trò chơi âm nhạc:**  +Ai làm giỏi  + Khiêu vũ với bóng  - Hoạt động mọi lúc, mọi nơi |  |
| 43 | **\* Tạo hình**  Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoặc). | - Vẽ các đường nét khác nhau, di mầu, nặn, xé, vò, xếp hình.  - Xem tranh. | | | **- Hoạt động học**  **+** Dạy trẻ di màu con voi (Mẫu)  + Dạy trẻ di màu con cá (Mẫu)  - Hoạt động vui chơi |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Pha Long, ngày tháng 02 năm 2025*  **Người xây dựng kế hoạch** | **Tổ chuyên môn** | *Pha Long, ngày tháng 02 năm 2025*  **Chuyên môn nhà trường** | | Đào Thị Hạnh Lù Thị Chỉn | Phạm Thị Huệ |  | | | | | | | | |
|  | | | | | | | |